

Bản án số: 115/2023/DS-ST

Ngày 25 – 5 – 2023

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Chị Trương Thị Nh; cư trú tại: ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Bùi Văn H; cư trú tại: ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và lời trình bày của anh Trần Văn D trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh Trần Văn D có tham gia hui do chị Trương Thị Nh và anh Bùi Văn H làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Mở ngày 10/01/2019 al, loại hui 1.000.000 đồng, tháng khai 1 lần, gồm 49 chung, anh D đã hót, sau khi đối trừ hui chết thì số tiền hui hót được là 37.000.000 đồng, chị Nh và anh D có giao được 17.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Mở ngày 25/5/2018 al, loại hội 500.000 đồng, tháng khai 1 lần, gồm 60 chung, anh D tham gia 1 chung, góp được 46 kỳ thì chị Nh và anh H đình hội, số tiền thực góp là 12.010.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Mở ngày 15/11/2020 al, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khai 1 lần, gồm 50 chung, anh D tham gia 01 chung, góp được 14 kỳ thì chị Nh và anh H đình hội, số tiền thực góp là 6.920.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Mở ngày 06/7/2020 al, loại hội 500.000 đồng, tháng khai 1 lần, gồm 49 chung, anh D tham gia 01 chung, góp được 18 kỳ thì chị Nh và anh H đình hội, số tiền thực góp là đến ngày đình hội là 4.530.000 đồng.

Nay anh D yêu cầu anh H và chị Nh trả số tiền hội thực góp trong các dây hội trên là 23.460.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/02/2022 đến ngày 15/02/2023.

* *Đối với bị đơn anh Bùi Văn H và chị Trương Thị Nh*: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ về THg báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh D nhưng anh H và chị Nh kHg có ý kiến gì và cũng kHg tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Bùi Văn H và chị Trương Thị Nh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt kHg có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Theo các danh sách hội thể hiện có tên anh D là hội viên trong các dây hội nêu trên do anh H và chị Nh làm chủ. Quá trình tham gia hội anh D là hội viên đã thực hiện đúng nghĩa vụ góp hội. Tuy nhiên, anh H và chị Nh đã đình hội và còn nợ lại anh D số tiền hội 20.000.000 đồng trong dây hội mở ngày 01/01/2019 âm lịch (hội đã hót nhưng chưa giao đủ) và số tiền thực góp trong các dây hội còn lại nên trên là 23.460.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện kHg phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh D thấy rằng: Theo đơn khởi kiện anh D yêu cầu ông H và chị Nh trả 66.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh D thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H và chị Nh trả số tiền hội đã hót còn nợ 20.000.000 đồng và tiền hội thực góp của các dây hội còn lại 23.460.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền hội thực góp 23.460.000 đồng tính từ ngày 15/02/2022 đến ngày 15/02/2023.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh D kHg vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền hội thực góp và lãi suất theo quy định của pháp luật thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hội, biểu, phường quy định lãi suất trong hội có lãi như sau: *“Lãi suất trong hộ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần hộ phải góp trừ đi giá trị các phần hộ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó.”*

Đối với số tiền hội góp vào, anh D có theo dõi số tiền bỏ hội ở các kì khai và số tiền góp; anh H và chị Nh không có ý kiến về vấn đề này nên cần chấp nhận số tiền bỏ hội ở các kỳ khai và đã góp vào như anh D cung cấp. Đối chiếu điều luật viện dẫn nêu trên, thì anh D không yêu cầu tính lãi ở mỗi kỳ góp hội mà tính từ ngày anh H và chị Nh đình hội. Xét thấy yêu cầu của anh D vẫn phù hợp với quy định của pháp luật và có phần có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Phần lãi hội cần điều chỉnh lại theo yêu cầu của anh D như sau: $23.460.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}$ (tính từ ngày 15/02/2022 – ngày 15/02/2023) = 4.692.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Giao dịch hội này phát sinh trong thời gian anh H và chị Nh tồn tại quan hệ H nhân, nên căn cứ vào Điều 37 Luật H nhân và gia đình buộc anh H và chị Nh cùng có trách nhiệm trả cho anh D tổng số tiền hội 48.152.000 đồng (20.000.000 đồng + 23.460.000 đồng + 4.692.000 đồng) là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh D được chấp nhận nên anh D không phải chịu án phí; anh H và chị Nh phải chịu án phí số tiền là 2.407.600 đồng ($48.152.000 \text{ đồng} \times 5\%$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật H nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D.

Buộc anh Bùi Văn H và chị Trương Thị Nh trả cho anh Trần Văn D tổng số tiền 48.152.000 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh D cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh H và chị Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bùi Văn H và chị Trương Thị Nh phải chịu 2.407.600 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Anh Trần Văn D không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh D số tiền 1.650.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013895 ngày 05/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai